

TOÀ ÁN N DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 83/2024/HSST
Ngày: 15 - 8 - 2024

N DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN N DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các Hội thẩm N dân: 1. Ông Phạm Xuân Đỉnh
2. Ông Nguyễn Văn Khoản

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Vi – Thư ký Toà án N dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Thân Văn Chèo – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại Toà án N dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 77/2024/HSST ngày 05 tháng 7 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2024/HSST- QĐ ngày 22/7/2024 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN D, tên gọi khác: Không, sinh năm 1991 tại Bình Dương; HKTT: Tổ 5, ấp Long Điền, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương; chỗ ở hiện nay: Tổ 6, khu phố 6, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn V, sinh năm 1963 và bà Mai H, sinh năm 1968; vợ Trịnh C, sinh năm 1996 và có 01 người con: Nguyễn D Khôi, sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2024 đến ngày 07/02/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

2. PHAN T, tên gọi khác: Không, sinh năm 1991 tại Bình Dương; Nơi cư trú: Ấp Long Nguyên, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 10/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Phan C, sinh năm 1962 và bà Nguyễn N, sinh năm 1964; vợ Lê H, sinh năm 1991 và có 01 người con: Phan D1, sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/01/2024 đến ngày 07/02/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bảo H, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 5, ấp Long Nguyễn, xã Long Hòa, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

2. Nguyễn Chí T1, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ 7, ấp Long Thọ, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.
3. Tống P, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp Long Điền, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.
4. Nguyễn V, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ 6, kp 1, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước.
5. Lê Thị M, sinh năm 1977; địa chỉ: Tổ 1, kp 7, phường M, thị xã C, tỉnh Bình Phước.
6. Lê Thành N, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 7, kp 8, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước.
7. Phan Văn T2, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 5, ấp Long Nguyễn, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.
8. Lê Thị Y, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 5, ấp N, xã H huyện D, tỉnh Bình Dương.
9. Đoàn Thị Thu T3, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ 7, ấp T, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/01/2024, bà Lê Thị M, sinh năm 1977, nơi ở hiện tại: tổ 6, khu phố 6, phường M, thị xã C đi đến cửa khẩu Phước Tân tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh chơi. Khi bà M ngồi ở quán uống nước thì có một người đàn ông khoảng 50 tuổi (không rõ N thân, lai lịch) đến chào bán thuốc lá điều nhập lậu. Khi đó, bà M nảy sinh ý định mua thuốc lá điều nhập lậu để bán lại kiếm lời nên bà M mua của người đàn ông này 110 bao thuốc lá điều nhập lậu (gồm 70 bao nhãn hiệu Hero, 30 bao nhãn hiệu Jet, 10 bao nhãn hiệu Scott) với tổng số tiền 1.800.000 đồng. Sau đó, bà M mang nhà của Nguyễn D (con rể bà M) tại tổ 6, khu phố 6, phường M, thị xã Ch cát giầu. Khoảng 16 giờ 50 phút ngày 10/01/2024, khi bà M điều khiển xe gắn máy biển số 93BA- 005.46 vận chuyển 100 bao thuốc lá điều nhãn hiệu Jet và Hero đi trên đường ĐT751 thuộc phường Minh Long, thị xã Chơn Thành tìm nơi tiêu thụ thì bị Công an thị xã Chơn Thành kiểm tra, phát hiện thu giữ. Kiểm tra nơi ở của bà Lê Thị M tại tổ 6, khu phố 6, phường M, thị xã C phát hiện, thu giữ: 10 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Scott và 01 bộ pháo (nghi pháo hoa nổ) hình hộp, kích thước 17cm x 17cm x 10cm, có 49 ống hình trụ cao 10cm, đường kính 2,5cm, bên ngoài dán giấy nhiều màu sắc, ghi chữ nước ngoài, ký hiệu KS4-49A. Trong đó, 10 bao thuốc lá điều nhập lậu nhãn hiệu Scott là của bà M, còn bộ pháo hoa là của Nguyễn D.

Quá trình điều tra xác định: Giữa Nguyễn D với Phan T, sinh năm 1991, nơi thường trú: ấp Long Nguyên, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương có mối quan hệ bạn bè. Do T biết D hành nghề chạy xe ô tô dịch vụ chở khách đi từ thị xã Chơn Thành đi các tỉnh lân cận. Nên cuối tháng 11/2023 (không xác định được ngày), T điện thoại nhờ D mua dùm 02 bộ pháo hoa để đốt chơi tết thì D nói khi nào có pháo thì báo cho biết. Khoảng 07 ngày sau, D điều khiển xe ô tô nhãn hiệu INOVA, biển số 93A- 077.17 chở khách từ Chơn Thành đi đến Cửa khẩu Thomo thuộc huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Khi ngồi chờ khách, D gặp một người đàn ông chạy xe ôm, khoảng 45 tuổi (không rõ N thân, lai lịch) tại khu vực Cửa khẩu và hỏi mua pháo hoa nổ. Qua trao đổi nói chuyện thì người đàn ông báo giá 700.000 đồng/bệ pháo hoa, loại 49 ống và 350.000 đồng/bịch pháo banh (pháo bi). Nên D điện thoại báo cho T biết giá pháo hoa loại 49 ống là 1.000.000 đồng/bệ thì T đồng ý mua. Rồi D nảy sinh ý định mua thêm pháo để bán kiếm lời nên đặt mua người đàn ông này 10 bệ pháo hoa và 02 bịch pháo banh. Sau đó, người đàn ông này lấy pháo giao cho D 10 bệ pháo hoa và 02 bịch pháo banh, đồng thời D trả cho người này tổng số tiền 7.700.000 đồng. Sau khi mua pháo thì D mang về nhà tại tổ 6, KP 6, phường M, thị xã C cất giấu. Đầu tháng 12/2023, D bỏ 02 bệ pháo hoa vào trong thùng giấy cattong gói kín và điều khiển xe mô tô biển số 61V1-4918 mang pháo đến nhà giao cho T. D điện thoại cho T để nhận pháo nhưng T đang đi làm không có mặt tại nhà. Nên T nói D mang sang nhà chị dâu của T là Lê Thị Y, sinh năm 1980, nơi thường trú: xã Long Hòa, huyện Dầu Tiếng (ở gần nhà T) gửi và T trả tiền sau. Sau đó, D mang thùng cattong đựng pháo qua nhà gặp chị Y. Chị Y điện thoại cho T nói có người gửi đồ thì T nói chị Y nhận dùm nên chị Y đồng ý. Đến khoảng 22h cùng ngày, T đi làm về và qua gặp chị Y lấy thùng giấy cattong mang về mở ra thấy bên trong có 02 bệ pháo hoa, rồi T cất giấu tại nhà. Khoảng 02-03 ngày sau (ngày 04/12/2023), T chuyển khoản trả cho D số tiền 4.400.000 đồng. Trong đó, D trả tiền mua pháo là 2.000.000 đồng và trả số tiền 2.400.000 đồng mà trước đó T mượn của D để tiêu xài cá N.

Sau khi T1 mua 02 bệ pháo của D thì khoảng 03 ngày sau, trong lúc T1 nhậu chung với ông Bảo H, sinh năm 1978 và Nguyễn chí T1, sinh năm 1969, cùng nơi thường trú: xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương thì T nói cho ông H và T biết việc mua được pháo hoa nên rủ ông H và T tết sang nhà T chơi ngắm pháo hoa. Nghe T nói vậy thì ông H và T nhờ T đặt mua dùm cho mỗi người 01 bệ pháo hoa để đốt chơi tết thì T đồng ý. Qua ngày hôm sau, T1 điện thoại cho D hỏi mua pháo hoa thì D báo giá là 1.200.000 đồng/bệ. Rồi T điện thoại báo cho ông H và T biết thì cả hai đồng ý mua. Nên T1 điện thoại cho D đặt mua 02 bệ pháo hoa. Khoảng 02 ngày sau, D điều khiển xe mô tô biển số 61V1-4918 mang theo 02 bệ pháo hoa bỏ trong túi nilong quần kín băng keo lại đi giao cho T. Do T đang đi làm không có ở nhà nên T nói D mang pháo hoa qua gửi cho chị Y. Rồi T điện thoại cho chị Y nói nhận đồ dùm thì chị Y đồng ý. Nên D đưa túi nilong đựng pháo hoa cho chị Y cất giữ. Do T đi làm thuê chạy xe ô tô chở hàng cho người khác thường đi về khuya, sáng đi làm sớm nên T1 chưa gặp chị Y để lấy túi nilong đựng pháo hoa. Khoảng 02-03 ngày sau, T điện thoại cho anh Phan Văn T2, sinh năm 1982 (là anh ruột của T, là chồng chị Y) nhờ mang bịch đồ (tức túi nilong đựng pháo) mà chị Y đang cất giữ mang đến đưa cho ông Bảo H dùm. Sau đó, anh T2 đi xe mô tô mang túi nilong đựng pháo hoa đến nhà gặp ông H đang nằm võng nên ông H nói với anh T2 cứ để tại hiên nhà, xong anh T2 ra về. Còn T điện thoại báo cho ông T1 biết đã có pháo và nói ông T2 đến nhà ông H lấy. Nên lúc khoảng 19h cùng ngày, ông T1 đi xe mô tô đến nhà ông H nhưng ông H không có ở nhà nên ông T tự mở túi nilong ra lấy 01 bệ pháo hoa mang về, còn lại 01 bệ pháo để lại cho ông H. Sau khi ông T mang bệ pháo hoa về đến nhà thì bà Đoàn Thị T3, sinh năm 1973 (vợ

ông T1) biết được nên không cho ông T1 sử dụng. Do đó, ông T1 mang bộ pháo hoa vứt bỏ. Khoảng 02 ngày sau (ngày 13/12/2023), T chuyển khoản trả tiền mua pháo cho D 2.200.000 đồng. Đồng thời, T điện thoại cho D nói mua 02 bộ pháo dùm cho 02 ông anh chơi tết nên yêu cầu D bớt (giảm) tiền bán pháo mỗi bộ 100.000 đồng thì D đồng ý. Khoảng 03 ngày sau, ông H và T1 mỗi người đưa lại cho T 1.100.000 đồng để trả tiền mua pháo.

Giữa D với Tổng P, sinh năm 1989, nơi thường trú: ấp Long Điền, xã L, huyện D là bạn bè nên biết D thường chở khách đi cửa khẩu. Nên giữa tháng 12/2023 (không xác định được ngày), N nhờ D hỏi mua dùm 01 bộ pháo hoa để đốt chơi tết. Mặc dù, khi đó T đã mua pháo hoa nhưng T trả lời để khi nào có pháo thì báo cho biết. Khoảng 02-03 ngày sau, T điện thoại báo cho N biết giá pháo hoa là 900.000 đồng/bộ thì N đồng ý mua. Ngày 22/12/2023, D điều khiển xe mô tô biển số 61V1-4918 đến quán cà phê tại xã Long Hòa, huyện Dầu Tiếng giao cho Nam 01 bộ pháo hoa. Cùng ngày 22/12/2023, N chuyển khoản trả tiền mua pháo cho D 900.000 đồng. Sau khi mua pháo thì N cất giấu tại nhà, đến ngày 02/01/2024 N mang bộ pháo hoa ra sử dụng.

Giữa D với ông Nguyễn V, sinh năm 1964, nơi ở hiện tại: Khu phố 3A, phường M, thị xã C có mối quan hệ quen biết. Nên khoảng giữa tháng 12/2023 (không xác định được ngày), ông V điện thoại cho D nhờ mua dùm pháo hoa nổ và pháo banh để chơi tết. Mặc dù, D có pháo nhưng D nói để khi nào có pháo thì báo cho ông V biết. Khoảng 03-04 ngày sau, D điện thoại báo cho ông V biết giá bán pháo là 850.000 đồng/bộ và pháo banh 400.000 đồng/bịch thì ông V đặt mua 02 bộ pháo hoa và 01 bịch pháo banh. Sau đó, D mang 02 bộ pháo hoa và 01 bịch pháo banh đến khu vực chợ phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành giao cho ông V. Rồi ông trả tiền mua pháo cho D 2.100.000 đồng. Sau khi mua pháo, ông V mang về cất giấu tại phòng trọ thuộc khu phố 3A, phường Minh Hưng và đã sử dụng hết.

Khoảng cuối tháng 12/2023 (không xác định được ngày), bà Lê Thị M điện thoại cho D hỏi biết ai bán pháo không mua dùm 02 bộ pháo hoa và 01 bịch pháo banh. Khi đó, mặc dù D có pháo nhưng D nói để hỏi lại khi nào có pháo thì báo cho biết. Khoảng 03 ngày sau, D điện thoại báo cho bà M biết đã có pháo và giá bán 800.000 đồng/bộ pháo hoa và 350.000 đồng/bịch pháo banh thì bà M đồng ý mua 02 bộ pháo hoa và 01 bịch pháo banh. Sau đó, D giao cho bà M 02 bộ pháo và 01 bịch pháo banh với tổng số tiền là 1.950.000 đồng. Do bà M chưa có tiền trả cho D nên hẹn khi nào có thì trả lại. Bà M và ông Lê N, sinh năm 1975, nơi ở: Khu phố 8, phường H, thị xã C có mối quan hệ quen biết. Nên ngày 29/12/2023, bà M liên hệ với ông N hỏi có mua pháo hoa không thì ông đồng ý nên bà M bán lại cho ông N 02 bộ pháo hoa và 01 bịch pháo banh với tổng số tiền 2.600.000 đồng, thu lợi số tiền 650.000 đồng. Rồi ông N mang pháo cất giữ tại nhà để sử dụng.

Sau khi Nguyễn D bán 09 bộ pháo hoa và 02 bịch pháo banh cho những người nêu trên, còn lại 01 bộ pháo hoa thì D cất giấu tại nhà thuộc tổ 6, khu phố 6, phường M, thị xã C thì bị Cơ quan điều tra Công an thị xã Chơn Thành phát hiện, thu giữ như trên (BL 70-76; 96-114; 113-126; 130-164).

Tại Kết luận giám định số 96/KL-KTHS ngày 15/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận:

*** MẪU VẬT GIÁM ĐỊNH:**

- Thùng thứ nhất: Bên ngoài dán giấy niêm phong có hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, có các chữ ký, họ tên Nguyễn D, Ngô Đ. Bên trong có 01 (một) khối hình hộp có cùng kích thước (17,0 x 17,0 x 10,0)cm, bên ngoài dán giấy có nhiều màu sắc, in chữ số “KS4-49A”, bên trong có 49 ống hình trụ tròn, đường kính 2,5cm (ký hiệu M1).

- Thùng thứ hai: Bên ngoài dán giấy niêm phong có hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan CSĐT Công an thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, có các chữ ký, họ tên Lê N, Ngô Đ. Bên trong có:

+ 02 (hai) khối hình hộp có cùng kích thước (17,0 x 17,0 x 10,0)cm, 01 hộp có chữ số “KS4-4911L”, 01 hộp có chữ số “T4049” được đúc nguyên khối, bên ngoài dán giấy có nhiều màu sắc, in chữ nước ngoài, bên trong có 49 ống hình trụ tròn, đường kính 2,5cm (ký hiệu là M2-1).

+ 01 (một) túi ni lylon được bấm kín bằng kim sắt, bên trong chứa nhiều vật hình cầu tròn, dạng quả bóng đá, trên mỗi vật có 01 đoạn dây màu xanh (ký hiệu là M2-2).

- Thùng thứ ba: Bên ngoài dán giấy niêm phong có các chữ ký, họ tên Đoàn Anh N, Phan Thị T, Nguyễn Thành L, Ngô Văn Đ. Bên trong có 02 (hai) khối hình hộp có cùng kích thước (17,0 x 17,0 x 10,0)cm, 01 khối có chữ số “KS4-49A”, 01 khối có chữ số “KS4-49B”, bên ngoài dán giấy có nhiều màu sắc, in chữ nước ngoài, bên trong có 49 ống hình trụ tròn, đường kính 2,5cm (ký hiệu là M3).

- Thùng thứ tư: Bên ngoài dán giấy niêm phong có các chữ ký, họ tên Bảo H, Lê H, Đoàn N, Nguyễn Thành L. Bên trong có 01 (một) khối hình hộp có kích thước (17,0 x 17,0 x 10,0)cm, có chữ số “KS4-49B”, bên ngoài dán giấy có nhiều màu sắc, in chữ nước ngoài, bên trong có 49 ống hình trụ tròn, đường kính 2,5cm (ký hiệu là M4).

*** KẾT LUẬN VỀ ĐỐI TƯỢNG GIÁM ĐỊNH**

Mẫu vật ký hiệu là M1, M2-1, M3, M4 được niêm phong gửi giám định đều là pháo nổ (pháo hoa nổ), có chứa thuốc pháo, khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra tiếng rít và ánh sáng nhiều màu. Tổng khối lượng lần lượt là:

- M1 = 1,65kg (một phẩy sáu mươi lăm kilogam).

- M2-1 = 3,25kg (ba phẩy hai mươi lăm kilogam).

- M3 = 3,40kg (ba phẩy bốn kilogam).

- M4 = 1,70kg (một phẩy bảy kilogam).

- Các vật hình cầu bên trong 01 (một) túi nylon (ký hiệu M2-2) được niêm phong gửi giám định đều là pháo nổ, có chứa thuốc pháo, khi đốt phát ra tiếng nổ lớn. Khối lượng là 0,45kg (không phẩy bốn lăm kilogam).

Hoàn lại đối tượng giám định: Mẫu hoàn lại được niêm phong có khối lượng là M2-2 = 0,40kg. Mẫu M1, M2-1, M3, M4 sử dụng hết cho giám định (BL 57-62).

*** Việc thu giữ đồ vật tài liệu và xử lý vật chứng:**

- 110 bao thuốc lá điều nhập lậu (70 bao nhãn hiệu Hero, 30 bao nhãn hiệu Jet, 10 bao nhãn hiệu Scot) của Lê Thị M. Đây là hàng hóa cấm kinh doanh nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xử lý sau.

- 01 xe gắn máy biển số 93BA-005.46 của bà Lê Thị M. Quá trình điều tra xác định đây là phương tiện bà M sử dụng để buôn bán hàng cấm thuốc lá điều nhập lậu nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ xe để xử lý sau.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu xanh đen, số Imei 1: 863195044120180; số Imei 2: 863195044120180 có gắn sim số 0866158451 và 0822211322 của bị cáo Nguyễn D và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu APPLE Iphone 12 Promax, màu xanh, số Imei: 356719115397783, có gắn sim số 0978395978 của bị cáo Phan T. Quá trình điều tra xác định 02 điện thoại này được bị cáo D và T sử dụng để liên lạc với nhau trong quá trình thực hiện tội phạm.

- Đối với xe ô tô biển số 93A-077.17 được bị cáo Nguyễn D sử dụng làm phương tiện để vận chuyển pháp hoa nổ và pháo nổ. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của ông Trịnh T4, sinh năm 1970, địa chỉ: KP 5, phường M, thị xã C (là bố vợ của D). Ông T4 cho bị cáo D mượn xe để hoạt động kinh doanh dịch vụ chở khách. Về ý thức, ông Toàn không biết việc D sử dụng xe ô tô biển số 93A-077.17 để thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không thu giữ xe và không đề cập xử lý.

- 01 (một) xe mô tô biển số 61V1-4918 là phương tiện mà bị cáo Nguyễn D sử dụng để đi giao pháo hoa nổ, pháo nổ. Quá trình điều tra xác định, xe mô tô này là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1986, địa chỉ: xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương (là chị gái D). Chị M cho D mượn xe để đi lại. Về ý thức, chị M không biết việc D sử dụng xe để thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Cơ quan điều tra không thu giữ xe và không đề cập xử lý.

- Thu giữ của Nguyễn D 01 bộ pháo hoa nổ trọng lượng 1,65kg (ký hiệu M1), Phan T 02 bộ pháo hoa nổ với tổng trọng lượng 3,4kg (ký hiệu M3), Bảo H 01 bộ pháo hoa nổ với trọng lượng 1,7kg (ký hiệu M4), Lê N 02 bộ pháo hoa nổ với tổng trọng lượng 3,25kg (trong đó 01 bộ có trọng lượng 1,6 kg và 01 bộ có trọng lượng 1,65 kg) (ký hiệu M2-1) và 01 bộ pháo bánh với trọng lượng 0,45 kg (ký hiệu M2-2). Sau giám định mẫu hoàn lại được niêm phong có khối lượng là M2-2 = 0,40kg. Mẫu M1, M2-1, M3, M4 sử dụng hết cho giám định. Đây là hàng hóa cấm kinh doanh.

- Đối với 02 bộ pháo hoa và 01 bộ pháo bánh do ông Nguyễn V mua của bị cáo D; 01 bộ pháo hoa do ông Tống P mua của bị cáo D. Sau đó, ông V và Nam đã sử dụng đốt hết nên không thu giữ được. Riêng 01 bộ pháo hoa do ông Nguyễn chí T1 mua của bị cáo D thì ông T1 đã vứt bỏ nên không thu giữ được. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã cho bị cáo Nguyễn D và ông Nguyễn chí T1 nhận dạng qua ảnh bộ pháo thu giữ được để xác định đặc điểm của pháo hoa nổ. Qua nhận dạng bị cáo D và ông T1 xác định tất cả các đặc điểm của các bánh pháo D bán cho bị cáo T và bánh pháo ông T1 mua của bị cáo T đều tương đồng với bánh pháo được nhận dạng. Theo nguyên tắc có lợi cho các bị cáo, Cơ quan điều tra lấy bánh pháo hoa nổ có trọng lượng thấp nhất trong số những bánh pháo thu được là 1,6kg/bánh để làm cơ sở để xử lý (BL 65).

Nguyễn D đã tự nguyện nộp số tiền 9.850.000đ (7.700.000 đồng bỏ ra để mua pháo hoa nổ, pháp nổ và số tiền 2.150.000 đồng là tiền thu lợi từ việc bán pháo.

Bản cáo trạng số 79/Ctr-VKS ngày 04/7/2024 của Viện kiểm sát N dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Nguyễn D về tội “Buôn bán hàng cấm” theo khoản 1 Điều 190; truy tố bị cáo Phan T về tội “Tàng trữ hàng cấm” theo quy định tại khoản 1 Điều 191 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn D về tội “Buôn bán hàng cấm” và bị cáo Phan T về tội “Tàng trữ hàng cấm” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn D phạm tội “Buôn bán hàng cấm”; bị cáo Phan T về tội “Tàng trữ hàng cấm”

Áp dụng khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1,2 Điều 51; các điều 50, 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn D từ 100 đến 130 triệu đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 191; điểm i,s khoản 1,2 Điều 51; các điều 50, 35 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan T từ 50 đến 70 triệu đồng.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát N dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi của mình sai trái và rất hối hận. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát N dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng Bảo H, Nguyễn chí T1, Lê N, Phan Văn T2, Lê Thị Y, Đoàn Thị Thu T có đơn xin xử vắng mặt; Tống P, Nguyễn V, Lê Thị M vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận:

Do có quan hệ quen biết nên Phan T nhờ Nguyễn D mua dùm 2 bộ pháo hoa để đốt chơi tết; khoảng 7 ngày sau, D chở khách đi cửa khẩu Thomo thuộc huyện Đức Huệ,

Long An, D gặp 1 người đàn ông chạy xe ôm (không rõ N thân, lai lịch) hỏi mua pháo hoa nổ. Người đàn ông báo giá 700.000đ/ bộ pháo hoa, loại 49 ống và 350.000đ/bịch pháo banh. D điện báo cho T giá pháo hoa loại 49 ống là 1.000.000đ/bộ thì T đồng ý mua. D nảy sinh ý định mua thêm pháo để bán kiếm lời nên D đặt và mua của người đàn ông này 10 bộ pháo hoa và 02 bịch pháo banh với số tiền 7.700.000đ. D đem số pháo này về nhà cất giấu. Đầu tháng 12/2023, D mang 02 bộ pháo hoa giao cho T, T đã trả cho D số tiền 2.000.000đ.

Ngoài ra, ông Bảo H và Nguyễn chí T1 còn nhờ T mua giùm mỗi người 01 bộ pháo hoa để đốt chơi tết nên T đã đặt mua của D 02 bộ pháo hoa cho ông H và T1 với giá 1.100.000đ/bộ.

Giữa tháng 12/2023, D bán cho Tống P 01 bộ pháo hoa với giá 900.000đ/bộ. Cùng thời gian này, D bán cho ông Nguyễn V 02 bộ pháo hoa và 01 bịch pháo banh với giá 850.000đ/bộ pháo hoa và 400.000đ/bịch pháo banh.

Cuối tháng 12/2023 D bán cho bà Lê Thị M 02 bộ pháo hoa và 01 bịch pháo banh với giá 800.000đ/bộ pháo hoa và 350.000đ/bịch pháo banh.

Như vậy, Nguyễn D đã có hành vi mua 10 bộ pháo hoa nổ và 02 bịch pháo banh với tổng trọng lượng tương đương 17,2kg và sau đó mang đi bán lại cho người khác để thu lợi. Hành vi của Nguyễn D thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật hình sự.

Phan T có hành vi mua 04 bộ pháo hoa nổ của Nguyễn D với tổng trọng lượng 6,7kg để cho bản thân sử dụng và mua giùm cho ông B, ông T1 sử dụng. Do đó, hành vi của Phan T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ hàng cấm” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự.

Do vậy, cáo trạng số 79/CT-VKS-HS ngày 04/7/2024 của Viện kiểm sát truy tố bị cáo Nguyễn D về tội “Buôn bán hàng cấm” theo khoản 1 Điều 190 và bị cáo Phan T về tội “Tàng trữ hàng cấm” theo khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng qui định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, cụ thể là: Xâm phạm chế độ độc quyền của Nhà nước trong quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng hóa - trong vụ án này là pháo hoa nổ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo T phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo D đã tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính và số tiền bán pháo (9.850.000đ), cả hai bị cáo có N thân tốt. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình

sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, các bị cáo có N thân tốt, phạm tội lần đầu, việc áp dụng hình phạt tiền đối với hai bị cáo như đề nghị của đại diện VKS là phù hợp với tính chất mức độ của hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, đủ để cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4]. Về Các biện pháp Tư pháp

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu OPPO, màu xanh đen, số Imei 1: 863195044120180; số Imei 2: 863195044120180 có gắn sim số 0866158451 và 0822211322 của Nguyễn D và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu APPLE Iphone 12 Promax, màu xanh, số Imei: 356719115397783, có gắn sim số 0978395978 của bị cáo Phan T. Quá trình điều tra xác định 02 điện thoại này được D và T sử dụng để liên lạc với nhau trong quá trình thực hiện tội phạm nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Số pháo thu giữ còn lại sau giám định như đã nêu trên là vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 7.700.000 đồng Nguyễn D bỏ ra để mua pháo hoa nổ, pháo nổ và số tiền 2.150.000 đồng là tiền thu lợi từ việc bán pháo. Đây là số tiền sử dụng vào mục đích phạm tội do bị cáo tự nguyện giao nộp và tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 1.950.000 đồng bà Lê Thị M chưa trả Nguyễn D khi mua pháo hoa nổ, hành vi của T được cơ quan công an xử lý hành chính, nên không đề cập xử lý trong vụ án này.

[5]. Các vấn đề khác của vụ án

Đối với ông Bảo H có hành vi mua 01 bộ pháo hoa nổ với trọng lượng 1,7kg để tàng trữ sử dụng; ông Nguyễn chí T1 có hành vi mua 01 bộ pháo hoa nổ với trọng lượng tương đương 1,6kg để tàng trữ sử dụng; ông Lê N có hành vi mua pháo hoa nổ và pháo nổ với tổng trọng lượng 3,7kg nhằm tàng trữ để sử dụng; ông Tống P có hành vi mua 01 bộ pháo hoa nổ với trọng lượng 1,6kg của Nguyễn D và đã sử dụng hết; ông Nguyễn V có hành vi mua pháo hoa nổ và pháo nổ với tổng trọng lượng tương đương 3,65kg của Nguyễn D và đã sử dụng hết. Về trọng lượng pháo chưa đủ định lượng để xử lý hình sự và ông Bảo H, Nguyễn chí T1, Lê N, Tống P, Nguyễn D, Nguyễn V chưa có tiền án, tiền sự về các hành vi buôn bán, vận chuyển, tàng trữ hàng cấm. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã lập hồ sơ để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Lê Thị M có hành vi buôn bán 110 bao thuốc lá điều nhập lậu và mua của Nguyễn D 3,7kg mua pháo hoa nổ và pháo nổ để bán lại cho ông Lê N. Về số lượng bao thuốc lá và trọng lượng pháo mà bà M buôn bán chưa đủ định lượng để xử lý hình sự và bà M chưa có tiền án, tiền sự về các hành vi buôn bán, vận chuyển, tàng trữ hàng cấm. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã lập hồ sơ để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Lê Thị Y và Phan Văn T2 là người nhận giữ hộ 04 bộ pháo hoa nổ do bị cáo Nguyễn D bán cho bị cáo Phan T. Sau đó, ông T2 là người chuyển hộ pháo

đến cho ông Bảo H. Tuy nhiên, về ý thức của bà Y và ông T2 khi nhận giữ hộ pháo hoa nổ và chuyển giao hộ cho bị cáo Phan T thì bà Y và ông T2 không biết hàng hóa bên trong là pháo hoa nổ. Vì vậy, không đề nghị xử lý.

Đối với người đàn ông bán pháo hoa nổ và pháo nổ cho bị cáo Nguyễn D nhưng không xác định được N thân, lai lịch nên không có cơ sở để xử lý. Vì vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã Chợ Thành, tỉnh Bình Phước về xử lý vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn D phạm tội “Buôn bán hàng cấm”; bị cáo Phan T phạm tội “ Tàng trữ hàng cấm”

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190; điểm s khoản 1,2 Điều 51; các điều 35,50 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn D 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng).

2.2. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 191; điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; các điều 35,50 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phan T 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

3. Về các biện pháp Tư pháp: Căn cứ các điều 46,47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: mẫu hoàn lại được niêm phong có khối lượng là M2-2 = 0,40kg

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu nhãn hiệu OPPO, màu xanh đen, số Imei 1: 863195044120180; số Imei 2: 863195044120180 có gắn sim số 0866158451 và 0822211322 của Nguyễn D và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu APPLE Iphone 12 Promax, màu xanh, số Imei: 356719115397783, có gắn sim số 0978395978 của Phan T

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 9.850.000đ của bị cáo Nguyễn D đã tự nguyện nộp tại biên lai số 0002187 ngày 09/8/2024 trong đó: số tiền 7.700.000 đồng bỏ ra để mua pháo hoa nổ, pháo banh nổ và số tiền 2.150.000 đồng là tiền thu lợi bất chính.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn D, Phan T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- CCTHADS thị xã Chơn Thành;
- CA thị xã Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ung Thị Ngọc Thanh

